

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 5 – Tháng 6 năm 2023 – Capable Counsel

I. Lĩnh vực doanh nghiệp

1.1. Luật Hợp tác xã 2023 do Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2023

Luật này quy định về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Đối tượng áp dụng

- Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì áp dụng theo quy định của luật đó.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, trừ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 115 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định về Chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ban hành theo quy định của Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời gian áp dụng chính sách hoặc có văn bản thay thế, bãi bỏ.

1.2. Nghị định 36/2023/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2023 gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước



Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2023 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật hiện hành thì chưa phải nộp số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt đã kê khai trong thời gian được gia hạn.

Trường hợp doanh nghiệp có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế tiêu thụ đặc biệt riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất hoặc lắp ráp ô tô thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Sau thời gian gia hạn theo Nghị định này, việc nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước được thực hiện theo quy định hiện hành.

1.3. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC ngày 06 tháng 6 năm 2023 do Bộ tài chính ban hành hợp nhất Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 03 năm 2023 và Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020

Đối tượng áp dụng bao gồm: Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công



ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước); Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn tài sản tại Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Hướng dẫn một số nội dung liên quan đến:

- Điều chỉnh vốn điều lệ;
- Chuyển nhượng vốn, quyền mua cổ phần, quyền góp vốn đầu tư của Nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Xây dựng kế hoạch tài chính;
- Chế độ báo cáo và tổng hợp báo cáo.

Thông tư số 16/2023/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2023.

1.4. Quyết định 641/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2023 do Thủ tướng ban hành phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an được ban hành kèm theo Quyết định 641/QĐ-TTg, đối với các lĩnh vực:

- Lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự;
- Lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy.

Cụ thể như trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy: Nhóm thủ tục: Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương) (mã TTHC: 1.009887); Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.009896).

Nội dung phương án đơn giản hóa

- Nội dung 1: Bãi bỏ quy định nộp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.



- Nội dung 2: Bãi bỏ quy định nộp bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế, hồ sơ thiết kế đã được đóng dấu thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy trước đó.
- Lý do: Cơ quan Công an tự khai thác hồ sơ quản lý.

1.5. Công văn số 2312/TCT-CS ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tổng Cục thuế giải đáp thắc mắc của một số Cục Thuế về việc sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp chế xuất.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất có thanh lý tài sản vào thị trường nội địa thì sử dụng hóa đơn bán hàng (loại dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan) theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

II. Lĩnh vực thuế, phí, lệ phí:

2.1. Thông tư 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Khi Thông tư này có hiệu lực, Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 sẽ hết hiệu lực. Theo đó, tăng mức phí thi sát hạch lái xe từ ngày 01/8/2023 như sau:

(1) Đối với các hạng xe A1, A2, A3, A4:

- Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, tăng 20.000 đồng so với mức cũ là 40.000 đồng/lần.
- Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần, tăng 20.000 đồng so mức cũ 50.000 đồng/lần.

(2) Đối với các hạng xe B1, B2, C, D, E, F:

- Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, tăng 10.000 đồng so với mức cũ là 90.000 đồng/lần.
- Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, tăng 50.000 đồng so với mức cũ là 300.000 đồng/lần.
- Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, tăng 20.000 đồng so với mức cũ 60.000 đồng/lần.



- Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần (mới quy định).

Lưu ý:

Mức thu phí sát hạch lái xe nêu trên được áp dụng thống nhất trên cả nước (không phân biệt cơ quan thuộc Trung ương quản lý hay cơ quan thuộc địa phương quản lý).

Người dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phần nào thì nộp phí sát hạch lái xe phần đó (tính theo lần sát hạch: sát hạch lần đầu, sát hạch lại).

Thông tư này có hiệu lực từ thi hành từ ngày 01/8/2023.

2.2. Thông tư 38/2023/TT-BTC ngày 08/6/2023 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Thông tư này áp dụng đối với: Người nộp phí, tổ chức thu phí là các chủ dự án đề nghị cơ quan có thẩm quyền ở trung ương thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thu, nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Thêm vào đó, Thông tư này bãi bỏ:

- Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.
- Điều 2 Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý



và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023

2.3. Thông tư 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng trong lĩnh vực dược và mỹ phẩm, trong đó quy định về mức phí thẩm định điều kiện sản xuất mỹ phẩm.

Thông tư này thay thế Thông tư số 277/2016/TT-BTC và Thông tư số 114/2017/TT-BTC

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, gồm: Phí thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực dược, mỹ phẩm. Áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, quy định một số nội dung chính bao gồm:

- Tăng phí thẩm định điều kiện sản xuất mỹ phẩm cấp GCN cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn CGMP – ASEAN
- Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí phí thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực dược, mỹ phẩm.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023

2.4. Công văn số 2835/TCHQ-TXNK ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Hải quan về thuế GTGT hàng nhập khẩu

Theo đó: doanh nghiệp nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh “Hóa chất cơ bản” và đang áp dụng mức thuế suất là 10% thì được giảm thuế GTGT theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP; sản phẩm hóa chất không thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT.

2.5. Công văn số 2287/TCT-CS ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Thuế đề xuất phương án xử lý đối với thuế GTGT bán tín chỉ phát thải REC.

Chứng chỉ REC là chứng chỉ năng lượng tái tạo, không phải là hàng hóa cụ thể, thuộc nhóm hàng hóa tương tự như chứng chỉ giảm phát thải (CERs), tuy nhiên tiền chuyển nhượng quyền phát thải thuộc các trường hợp không phải kê khai, tính thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2.6. Công văn số 2289/TCT-CS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về vướng mắc khi giải quyết miễn tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công

Căn cứ các quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan, trường hợp đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ thuộc đối tượng được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hằng năm hoặc một lần thì được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hướng dẫn tại điểm h khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ nêu trên.

2.7. Công văn số 2330/TCT-CS ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Thuế hóa đơn điện tử.

Trường hợp người nộp thuế đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử và cơ quan thuế đã chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, từ ngày 01/7/2022 Thông tư số 39/2014/TT-BTC hết hiệu lực thi hành thì không có cơ sở để Cục Thuế lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn tháng 6/2022 và quý II/2022 được nộp sau ngày 01/7/2022.

2.8. Công văn số 2331/TCT-CS ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Thuế về chính sách tiền thuê đất

Trường hợp người thuê đất được Nhà nước cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì phải nộp bổ sung cho Nhà nước khoản tiền tương đương với tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính.



Ngoài ra, việc thu hồi đất của doanh nghiệp thuê lại đất trong khu công nghiệp của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và việc xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan giữa chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và thuê lại đất đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ.

2.9. Công văn số 2346/TCT-CS ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Thuế về chính sách thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư.

Trường hợp người sử dụng đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì người sử dụng đất phải nộp khoản tiền bổ sung trong thời gian không đưa đất vào sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính.

2.10. Công văn số 2348/TCT-CS ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Thuế về chính sách lệ phí trước bạ

Về chính sách lệ phí trước bạ đối với phương tiện nhận di sản thừa kế: Trường hợp người vợ/chồng sang tên tài sản nhận thừa kế (di sản) là ô tô, xe máy của người chồng/vợ đã chết đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mà tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nếu được xác định là trường hợp thành viên trong gia đình đăng ký lại tài sản chung của hộ gia đình khi phân chia tài sản theo quy định của pháp luật thì thuộc đối tượng miễn nộp lệ phí trước bạ.

Về chính sách lệ phí trước bạ đối với xe chuyển địa chỉ, xe chuyển nhượng nhiều lần nhưng chưa đăng ký quyền sở hữu, sử dụng: Trường hợp tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các thông tin quản lý thuế để tính số tiền thuế phải nộp và thông báo số tiền thuế phải nộp cho người nộp thuế theo quy định. Trường hợp hồ sơ khai thuế không hợp pháp, không đầy đủ, không đúng mẫu quy định, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Quản lý thuế hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác minh thông tin làm căn cứ tính thuế và thông báo nộp thuế theo quy định.

2.11. Công văn số 2351/TCT-CS ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Thuế về lệ phí môn bài khi tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trường hợp người nộp lệ phí đang hoạt động có văn bản gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh trước ngày 30 tháng 01 hàng năm và chưa nộp lệ phí môn bài của năm xin tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không phải nộp lệ phí môn bài của năm tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.12. Công văn số 40818/CTHN-TTHT ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về chính sách thuế TNCN, TNDN

Trường hợp Ông A và chuyên gia người nước ngoài không đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC thì được xác định là cá nhân không cư trú và phạm vi xác định thu nhập chịu thuế TNCN tại Việt Nam là thu nhập phát sinh tại Việt Nam không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập theo quy định tại Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC. Nếu khoản thu nhập mà cá nhân được trả tại Nhật Bản không liên quan đến các công việc cá nhân thực hiện tại Việt Nam thì không tính khoản thu nhập này vào thu nhập từ tiền lương, tiền lương chịu thuế TNCN tại Việt Nam.

Trường hợp ông A và chuyên gia người nước ngoài đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì phạm vi xác định thu nhập chịu thuế TNCN là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC. Phần thu nhập nhận từ nước ngoài, cá nhân kê khai và nộp thuế TNCN trực tiếp cho cơ quan thuế Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp chi trả thay cho người lao động các khoản chi phí thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 4 và không thuộc các khoản chi không được trừ quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan (nếu có).

2.13. Công văn số 40821/CTHN-TTHT ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về kê khai thuế GTGT đầu vào

Về nguyên tắc thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ nếu đáp ứng các điều kiện khấu trừ thuế GTGT quy định tại Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC, Điều 1 Thông tư số 173/2016/TT-BTC.

2.14. Công văn số 2392/TCT-QLRR ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Thuế về kiểm tra hóa đơn điện tử

Tổng cục Thuế đã xây dựng chức năng trên ứng dụng hóa đơn điện tử đáp ứng yêu cầu kiểm soát hóa đơn điện tử, ngăn chặn tình trạng xuất hóa đơn khống. Một số chức năng chính như sau:

- Hệ thống tự động kiểm soát tổng giá trị hàng hóa bán ra trên các hóa đơn đã xuất so với ngưỡng giá trị hàng hóa đầu vào được tính toán bằng K lần tổng giá trị hàng tồn kho và tổng giá trị hàng hóa mua vào.
- Hệ thống cảnh báo thực hiện theo tham số K.

Trên cơ sở đó, các trường hợp người nộp thuế (NNT) vượt ngưỡng sẽ cảnh báo và đưa vào danh sách quản lý. Sử dụng chức năng tra cứu danh sách NNT cảnh báo để/xem xét, xác định các trường hợp thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định. Cơ quan thuế sử dụng chức năng đã có khi triển khai phần mềm HĐĐT để thông báo ngừng/tiếp tục sử dụng hóa đơn (đáp ứng quy định tại Điều 16, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP).

III. Lĩnh vực thương mại

3.1. Luật Giao dịch điện tử do Quốc hội ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2023

Luật áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia giao dịch điện tử hoặc có liên quan đến giao dịch điện tử, quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử.



Phương tiện điện tử là phần cứng, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ khác tương tự.

Các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử:

- Lợi dụng giao dịch điện tử xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình tạo ra, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.
- Thu thập, cung cấp, sử dụng, tiết lộ, hiển thị, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông điệp dữ liệu.
- Giả mạo, làm sai lệch hoặc xóa, hủy, sao chép, di chuyển trái pháp luật một phần hoặc toàn bộ thông điệp dữ liệu.
- Tạo ra thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật.
- Gian lận, giả mạo, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái pháp luật tài khoản giao dịch điện tử, chứng thư điện tử, chứng thư chữ ký điện tử, chữ ký điện tử.
- Cản trở việc lựa chọn thực hiện giao dịch điện tử.
- Hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của luật.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 53 của Luật này.

3.2. Luật Đấu thầu do Quốc hội ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2023

Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu; thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đấu thầu; hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu.



Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu trong nước là tiếng Việt. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 04/2017/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 64/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15 (sau đây gọi là Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại Điều 96 của Luật này.

3.3. Nghị định số 32/2023/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung nghị định số 58/2016NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

Theo quy định tại Điều 1 của Nghị định này, Phụ lục II Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại Nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sẽ được thay thế bằng Phụ lục Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép kèm theo Nghị định này.

3.4. Thông tư 12/2023/TT-BCT ngày 05 tháng 6 năm 2023 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi Thông tư 10/2018/TT-BCT hướng dẫn Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia tổ chức hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp tổ chức kiểm tra pháp luật bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương theo quy trình:

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký kiểm tra, xác nhận kiến thức pháp luật bán hàng đa cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.
- Lên kế hoạch về thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra.



- Thông báo kế hoạch kiểm tra.
- Tổ chức kiểm tra.
- Đánh giá kết quả kiểm tra.
- Thông báo kết quả kiểm tra.

Việc kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp và kiểm tra kiến thức cho đầu mối tại địa phương có thể được tổ chức tại cùng một đợt hoặc tại các đợt khác nhau.

Hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả:

- Bài kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương được thực hiện dưới hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm trong thời gian tối thiểu 60 phút.
- Điểm kiểm tra được chấm theo thang điểm 100, yêu cầu cụ thể như sau:
 - + Đối với bài kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, bài kiểm tra dưới 80 điểm đối với hình thức trắc nghiệm hoặc dưới 65 điểm đối với hình thức tự luận là không đạt yêu cầu.
 - + Đối với bài kiểm tra kiến thức cho đầu mối tại địa phương, bài kiểm tra dưới 70 điểm đối với hình thức trắc nghiệm hoặc dưới 50 điểm đối với hình thức tự luận là không đạt yêu cầu.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2023

3.5. Thông tư 36/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 6 năm 2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)

Đối tượng áp dụng của Thông tư là: Thương nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa quy định tại khoản 17 Điều 3 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP; Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định pháp luật quản lý ngoại thương; Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

Mức thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O):

- Cấp mới giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 60.000 đồng/bộ C/O.
- Cấp lại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 30.000 đồng/bộ C/O.



Kê khai, nộp phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O):

- Người nộp phí (thương nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa) thực hiện nộp phí cho tổ chức thu phí khi nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.
- Chậm nhất ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí nộp toàn bộ số phí thu được của tháng trước, tiền lãi phát sinh trên số dư tài khoản chuyên thu phí mở tại tổ chức tín dụng (nếu có) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của Bộ Công Thương mở tại Kho bạc Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2023.

3.6. Thông tư 15/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công thương

Trong Thông tư này, có hai Thông tư được sửa đổi, bổ sung đó là:

- Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022
- Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2020

Ngoài ra, Thông tư này bãi bỏ Quyết định số 612/QĐ-BCT ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương đính chính Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2023.

3.7. Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công thương

Ban hành danh mục 09 thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương, gồm: 03 thủ tục hành chính mới và 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

03 thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương:



- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

06 thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất sửa đổi thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ:

<http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

3.8. Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực công thương thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố Hà Nội

Quyết định này công bố 02 thủ tục hành chính nội bộ thuộc lĩnh vực công thương thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố Hà Nội:

- Thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp



- Thẩm định điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

Cả 2 thủ tục này đều thuộc lĩnh vực Quản lý Cụm công nghiệp và do Sở Công Thương trực tiếp thực hiện

IV. Lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng:

4.1. Thông tư 08/2023/TT-NHNN quy định về điều kiện vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

- Người cư trú là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam là bên đi vay nước ngoài (sau đây gọi chung là bên đi vay).
- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi bên đi vay mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài (sau đây gọi là ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản).

Đồng tiền vay nước ngoài là ngoại tệ.

Khoản vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Bên đi vay là tổ chức tài chính vi mô;
- Bên đi vay là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vay từ nguồn lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam của bên cho vay là nhà đầu tư nước ngoài góp vốn tại bên đi vay;
- Bên đi vay rút vốn, trả nợ bằng đồng ngoại tệ và nghĩa vụ nợ của khoản vay được xác định bằng đồng Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2023, trừ trường hợp quy định về giới hạn vay ngắn hạn nước ngoài quy định tại Điều 15 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

4.2. Quyết định số 1059/QĐ-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động ngoại hối thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Các thủ tục hành chính mới ban hành bao gồm:

- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;
- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;
- Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;
- Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới

Nội dung cụ thể về thủ tục, trình tự, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, cơ quan thực hiện, thời hạn giải quyết,... quy định cụ thể tại Phần II của Quyết định.

4.3. Quyết định 1125/QĐ-NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2023

Mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 như sau:

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô) áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 4,0%/năm.
- Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 5,0%/năm.

4.4. Quyết định 1124/QĐ-NHNN về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư 07/2014/TT-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2023



Mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17 tháng 3 năm 2014 như sau:

- Mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,5%/năm.
- Mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 4,75%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 5,25%/năm.

4.5. Quyết định 1123/QĐ-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2023 về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Quy định các mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau:

- Lãi suất tái cấp vốn: 4,5%/năm.
- Lãi suất tái chiết khấu: 3,0%/năm.
- Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 5,0%/năm.

4.6. Công văn số 2737/TCHQ-TXNK ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Hải quan phản hồi doanh nghiệp về việc thanh toán tiền hàng xuất khẩu bằng Việt Nam đồng.

Trường hợp nếu đối tác nước ngoài thống nhất đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam, được thể hiện trên hợp đồng, hóa đơn thương mại thì doanh nghiệp thực hiện mở tờ khai và khai báo mã đồng tiền của hóa đơn là Việt Nam đồng.

V. Lĩnh vực xuất nhập khẩu

5.1. Thông tư 13/2023/TT-BCT do Bộ Tài chính ban hành ngày 09 tháng 6 năm 2023 quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2023

Về lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2023:

- Trứng gà (mã hàng hóa 0407.21.00 và 0407.90.10) với số lượng 67.117 tá.
- Trứng vịt, ngan (mã hàng hóa 0407.29.10 và 0407.90.20) với số lượng 67.117 tá.
- Loại khác (mã hàng hóa 0407.29.90 và 0407.90.90) với số lượng 67.117 tá.
(Lưu ý: Những loại trứng nêu trên là loại trứng thương phẩm không có phôi.)
- Muối (mã hàng hóa 2501) với số lượng 84.000 tấn.

Về phương thức điều hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2023 như sau: hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2023 được thực hiện theo phương thức phân giao theo quy định tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP và Thông tư 12/2018/TT-BCT.

Về đối tượng phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2023 gồm:

- Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối được phân giao cho thương nhân trực tiếp sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thuốc, sản phẩm y tế và làm nguyên liệu sản xuất hóa chất.
- Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu trứng gia cầm được phân giao cho thương nhân có nhu cầu nhập khẩu.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023

5.2. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BTC ngày 07 tháng 6 năm 2023 hợp nhất Thông tư số 143/2015/TT-BTC ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan và quản lý xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng được phép nhập khẩu, tạm nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 45/2022/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 143/2015/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2022.



Các Thông tư được hợp nhất tại văn bản hợp nhất này quy định thủ tục hải quan và quản lý xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng được phép nhập khẩu, tạm nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại.

Đối tượng áp dụng:

- Người Việt Nam định cư tại nước ngoài là trí thức, chuyên gia, công nhân lành nghề về nước làm việc trong thời gian từ một năm trở lên theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam.
- Chuyên gia nước ngoài tham gia quản lý và thực hiện các chương trình, dự án OD A tại Việt Nam đảm bảo điều kiện được tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy quy định tại Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ.
- Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy theo quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.
- Các đối tượng khác được nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy không nhằm mục đích thương mại theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Cơ quan hải quan, công chức hải quan thực hiện thủ tục hải quan và quản lý xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng được phép nhập khẩu, tạm nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại.

Tổ chức, cá nhân Việt Nam nhận chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu, nhập khẩu miễn thuế của các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này và xe ô tô nhập khẩu miễn thuế của đối tượng quy định tại khoản 4 (dưới đây gọi tắt là người mua xe).

5.3. Văn bản hợp nhất 11/VBHN-BTC năm 2023 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2023

Văn bản này hợp nhất các Nghị định sau: Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 18/2021/NĐ-CP và Nghị định số 104/2022/NĐ-CP

Quy định về đối tượng chịu thuế; áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Áp dụng cho các nhóm đối tượng sau đây:

- Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- Cơ quan hải quan, công chức hải quan;
- Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện các quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

5.4. Quyết định 1338/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2023 công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

11 thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính bao gồm:

Thủ tục hành chính cấp Trung ương:

- Thủ tục xác nhận hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe theo quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP
- Thủ tục xác nhận loại hình doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng cơ khí trọng điểm theo quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP
- Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên theo quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP
- Thủ tục xác nhận về đảm bảo tiêu chuẩn xe thiết kế chở tiền theo quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP
- Thủ tục xác nhận danh mục nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ sản xuất, lắp ráp sản phẩm công nghệ thông tin theo quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP

Thủ tục hành chính cấp Huyện: Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng cốt



liệu công suất từ 07 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên theo quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP

Thủ tục hành chính cấp Cục, Chi cục:

- Thủ tục xét hoàn thuế xe ô tô chuyên dùng được sản xuất, lắp ráp từ xe ô tô sát xi quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP
- Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô
- Thủ tục áp dụng mức thuế suất của nhóm 98.49
- Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ô tô.
- Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô.

5.5. Công văn số 2865/TCHQ-TXNK ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Hải quan trả lời kiến nghị về mức thuế nhập khẩu đối với sách báo, tài liệu nghiên cứu.

Căn cứ theo các quy định pháp luật và thông tin trên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 105475022000, hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh của ông Nguyễn Văn Tấn có trị giá hải quan vượt quá định mức miễn thuế, do đó phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT theo quy định. Mặt hàng sách nhập khẩu của ông A được phân loại theo mã HS 4901.99.10 và áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 0% và mức thuế GTGT là 5%. Theo đó, số thuế phải nộp đối với lô hàng trên là tính trên mức thuế suất thuế GTGT 5% và trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu (không có thuế nhập khẩu do mức thuế suất thuế nhập khẩu là 0%).

5.6. Công văn số 2894/TCHQ-TXNK ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Hải quan phản hồi doanh nghiệp về thuế GTGT hàng nhập khẩu

Trường hợp mặt hàng máy trung tâm gia công CNC, máy cắt dây CNC, máy trung điện CNC nhập khẩu nếu được xác định là thiết bị điện tử chuyên dùng thì thuộc mục IV Phần B Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP và áp dụng thuế GTGT 10%.

VI. Lĩnh vực lao động:

6.1. Nghị định 29/2023/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2023 quy định về tinh giản biên chế

Nghị định này quy định về đối tượng, nguyên tắc, chính sách tinh giản biên chế và trách nhiệm thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã.

Quy định cụ thể từng trường hợp nhóm đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế và nguyên tắc tinh giản biên chế.

Thêm vào đó, Nghị định còn quy định 02 trường hợp chưa thực hiện tinh giản biên chế:

- Những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế.
- Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2023. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

6.2. Nghị định 42/2023/NĐ-CP về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng do Chính Phủ ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2023

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, điều chỉnh như sau:

- Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này đã được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.
- Tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này chưa được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, sau khi điều



chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này, có mức hưởng thấp hơn 3.000.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau: Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 2.700.000 đồng/người/tháng; tăng lên bằng 3.000.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 2.700.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.000.000 đồng/người/tháng.

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh theo quy định tại Điều này là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng ở những lần điều chỉnh tiếp theo.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 8 năm 2023. Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

6.3. Thông tư 06/2023/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2023 hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 06/2023 được điều chỉnh như sau:

- Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này đã được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.
- Tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này chưa được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 06/2023 sau khi được điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 06/2023 được điều chỉnh như sau:



- Đối với người có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng dưới 2.700.000 đồng/tháng:

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu, trợ cấp} \\ \text{bảo hiểm xã hội, trợ cấp} \\ \text{hằng tháng sau điều} \\ \text{chỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương hưu, trợ cấp} \\ \text{bảo hiểm xã hội, trợ cấp} \\ \text{hằng tháng sau khi được} \\ \text{điều chỉnh theo quy định} \\ \text{khoản 1 Điều 2 Thông tư} \\ \text{này} \end{array} + \begin{array}{l} 300.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array}$$

- Đối với người có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ 2.700.000 đồng/tháng đến dưới 3.000.000 đồng/tháng:

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ} \\ \text{cấp hằng tháng sau điều chỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} 3.000.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array}$$

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2023. Các quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

6.4. Quyết định 2273/QĐ-UBND năm 2023 công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước; việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 6 năm 2023.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra quyết định 05 thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước; việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ.

Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh:

- Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước: Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết
- Lĩnh vực Việc làm: Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động



Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp, ban quản lý khu công nghệ cao thành phố: Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh:

- Đăng ký hợp đồng cá nhân
- Đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày